

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

BÙI THỊ HỒNG HẠNH

**THÍCH ỨNG VỚI TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG CỦA
NGƯỜI CHẤP HÀNH XONG ÁN PHẠT TÙ**

Chuyên ngành: Tâm lý học

Mã số: 62 31 04 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

Hà Nội - 2020

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Trương Thị Khánh Hà
TS. Chu Văn Đức

Phản biện:

Phản biện:

Phản biện:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án tiến sĩ họp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

vào hồi:.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 2020

Có thể tìm luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

[1] Bùi Thị Hồng Hạnh, Giải pháp quản lý giáo dục người chấp hành xong án nhằm nâng cao thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng. Tạp chí Quản lý giáo dục, số 10 – tháng 10 năm 2020.

[2] Bùi Thị Hồng Hạnh, Mối tương quan giữa cảm nhận hạnh phúc và thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù, Tạp chí Tâm lý học xã hội, số 8 năm 2020.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Tái hòa nhập cộng đồng là nhu cầu cấp thiết và chính đáng của tất cả những người vừa chấp hành xong hình phạt tù. Đó là quá trình bình thường hóa các mối quan hệ xã hội của người chấp hành xong án phạt tù về để họ hội nhập với gia đình và cộng đồng nơi cư trú với tư cách là một thành viên của gia đình, một công dân của xã hội. Trong những năm qua, nhằm giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù, đặc xá tha tù trở về địa phương tái hòa nhập cộng đồng, Bộ Công an đã tham mưu, đề xuất Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2020/NĐ-CP, ngày 15/6/2020 quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù. Chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương tham mưu với cấp ủy, chính quyền chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể thực hiện nghiêm túc Nghị định số 49/2020/NĐ-CP [21]; tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng, tổ chức tiếp nhận, quản lý giáo dục người chấp hành xong án phạt tù ngay từ khi họ hết án tù và trở về địa phương.

Những số liệu thông kê tội phạm học cho thấy tỷ lệ tái phạm tội trung bình chiếm 27% tổng số vụ phạm tội (Theo kết quả nghiên cứu, điều tra của đề tài khoa học cấp nhà nước KX. 04.14 của Bộ Công an). Tái phạm tội thường xảy ra nhiều nhất trong thời gian 3 năm đầu kể từ ngày chấp hành xong bản án, trong đó việc tái phạm tội trong năm đầu tiên sau khi chấp hành xong bản án hình sự chiếm tỷ lệ cao nhất. Với lý do trên, chúng tôi lựa chọn đề tài ***“Thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù”*** làm đề tài nghiên cứu

cho mình. Qua đó chúng tôi muốn góp thêm một tiếng nói vào nhận thức chung cũng như công tác thực tiễn việc tổ chức tái hòa nhập cộng đồng cho người phạm tội, nhu cầu và thực trạng tái hòa nhập cộng đồng của phạm nhân mới ra tù ở nước ta hiện nay.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu lý luận và thực trạng mức độ thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù, những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình này, từ đó, đề xuất biện pháp tác động để họ thích ứng tốt hơn với tái hòa nhập cộng đồng.

3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Biểu hiện và mức độ thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù và các yếu tố dự báo thích ứng tâm lý của họ.

3.2. Khách thể nghiên cứu.

220 người chấp hành xong án phạt tù.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu tổng quan tài liệu về tình hình nghiên cứu thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù ở trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó hệ thống hóa một số vấn đề lý luận như: khái niệm thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù, các lĩnh vực thích ứng của người chấp hành xong án phạt tù; các yếu tố ảnh hưởng tới thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù.

Khảo sát và phân tích thực trạng thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù; các yếu tố dự báo thích ứng

với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù.

Đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao khả năng thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù.

5. Phạm vi nghiên cứu

5.1. Về nội dung nghiên cứu:

Thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù với ba thành phần gồm: nhận thức, cảm xúc và hành vi trên 3 lĩnh vực của tái hòa nhập cộng đồng là: gia đình, xã hội, công việc.

Có nhiều yếu tố khác nhau ảnh hưởng tới thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù, trong phạm vi nghiên cứu của luận án, tác giả đi sâu phân tích một số yếu tố chủ yếu sau: những yếu tố gắn với cá nhân và những yếu tố gắn với môi trường.

5.2. Về khách thể và địa bàn nghiên cứu:

+ Khách thể nghiên cứu chính: 220 người chấp hành xong án phạt tù.

+ Khách thể nghiên cứu bổ trợ: 21 Cảnh sát khu vực và 20 người thân của NCHXAPT.

Địa bàn nghiên cứu: tại Hà Nội.

6. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở một số nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của Tâm lý học sau đây:

6.1.1. Nguyên tắc tiếp cận liên ngành

6.1.2. Nguyên tắc tiếp cận hoạt động – nhân cách

6.2. Phương pháp nghiên cứu

Để tiến hành nghiên cứu luận án chúng tôi sử dụng kết hợp giữa phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, bao gồm:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu
- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi
- Phương pháp phỏng vấn sâu
- Phương pháp nghiên cứu trường hợp
- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học.

7. Giả thuyết nghiên cứu

Người chấp hành xong án phạt tù thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng ở mức độ thấp ở cả 3 lĩnh vực tái hòa nhập cộng đồng gồm gia đình, xã hội và công việc với 3 khía cạnh: nhận thức, cảm xúc và hành vi. Có sự khác nhau về mức độ thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù trong các lĩnh vực tái hòa nhập cộng đồng (trong các lĩnh vực :gia đình, xã hội, công việc). Có nhiều yếu tố thuộc về cá nhân và môi trường ảnh hưởng đến thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù.

8. Đóng góp mới của luận án

8.1. Về mặt lí luận

Kết quả nghiên cứu của luận án đã khái quát và chỉ ra các xu hướng nghiên cứu chính về thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

8.2. Về mặt thực tiễn

Luận án đã chỉ ra được thực trạng thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù. Luận án đã cho thấy có sự tiến bộ từng mặt của các lĩnh vực thích ứng với tái hòa nhập cộng

đồng ở 2 thời điểm “khi mới ra tù” và “hiện nay”.

9. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của luận án

Thông qua việc phân tích, khái quát hóa hệ thống các nghiên cứu liên quan đến luận án trên thế giới và Việt Nam đã góp phần cung cấp cơ sở khoa học, bổ sung thêm cơ sở lý luận về thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù cho những nghiên cứu tiếp theo về người chấp hành xong án phạt tù.

Kết quả nghiên cứu thực tiễn của luận án là tài liệu tham khảo cho học viên cao học và sinh viên, các nhà nghiên cứu về chính sách, chuyên gia trong lĩnh vực tâm lý học xã hội, tâm lý học pháp lý.

3. Cấu trúc của luận án

Sau phần mở đầu là 4 chương nội dung của luận án:

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu về thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

Chương 2: Cơ sở lý luận

Chương 3: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

Chương 4: Kết quả nghiên cứu thực tiễn thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Các nghiên cứu về thích ứng.

Các nghiên cứu về thích ứng tập trung khá nhiều vào sự thích ứng của con người với sự thay đổi môi trường học tập hay với các dạng hoạt động đặc thù. Nghiên cứu của chúng tôi cần làm rõ cho đối tượng nghiên cứu khá khác biệt cả trên thế giới và Việt Nam đó là người chấp hành xong án phạt tù - những người yếu thế trên con đường tái hòa nhập cộng đồng với khát vọng hoàn lương.

1.2. Các nghiên cứu về tái hòa nhập cộng đồng.

Các nghiên cứu về tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành xong án phạt tù như: khái niệm về người chấp hành xong án phạt tù, tái hòa nhập cộng đồng; quy định của pháp luật về quản lý, giáo dục người chấp hành xong án phạt tù; tình hình người chấp hành xong án phạt tù trở về tái hòa nhập cộng đồng; tình hình tái phạm của người chấp hành xong án phạt tù trở về tái hòa nhập cộng đồng.

1.3. Tổng quan các lĩnh vực thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

Các nghiên cứu về thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù còn khá ít và phần lớn đều chỉ ra những khó khăn, thách thức của NCHXAPT và môi trường xung quanh như trình độ học vấn thấp, không có nghề nghiệp ổn định, lười lao động, phức cảm tâm lý tự ti, mặc cảm... Và các yếu tố từ môi trường sống như sự thiếu quan tâm, thờ ơ, bỏ mặc của gia đình, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; sự thiếu quan tâm của các cơ quan chức năng, thiếu quan tâm kịp thời của các dịch vụ chăm sóc hỗ trợ trong tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành xong án phạt tù.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Khái niệm thích ứng

2.1.1. Khái niệm thích ứng

Thích ứng là quá trình thay đổi nhận thức, cảm xúc, và hành vi của cá nhân khi tham gia vào môi trường, hoàn cảnh sống mới để tồn tại và phát triển.

2.1.2. Đặc điểm và tiêu chí đánh giá thích ứng tâm lý

Thích ứng tâm lý của cá nhân, có thể dựa vào những điểm sau:

- Về nhận thức:
- Về cảm xúc:
- Về hành vi:

2.2. Tái hòa nhập cộng đồng

Tái hòa nhập cộng đồng là quá trình khôi phục lại các mối quan hệ xã hội và việc làm của người mới quay về cộng đồng sau một thời gian cách ly xã hội.

2.3. Người chấp hành xong án phạt tù.

2.3.1. Khái niệm người chấp hành xong án phạt tù

Người chấp hành xong án phạt tù là người đã chấp hành xong bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án về hình phạt tù hoặc được đặc xá, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù, giấy chứng nhận đặc xá để trở về với cộng đồng xã hội.

2.3.2. Phân biệt người chấp hành xong án phạt tù với đối tượng khác trong tổ chức tái hòa nhập cộng đồng

Theo quy định trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Bộ luật Hình sự, Luật Thi hành án hình sự, Luật Đặc xá, Luật Xử lý vi phạm hành chính, đối tượng tái hòa nhập cộng đồng gồm: người chấp hành xong án phạt tù, người chấp hành xong quyết định hành chính đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, cơ sở chữa bệnh.

2.3.3 Đặc điểm người chấp hành xong án phạt tù

Người chấp hành xong án phạt tù với thành phần đa dạng, phức tạp, kể cả những người chấp hành xong bản án, không ít người trong thời gian chấp hành án chưa tỏ rõ sự tiến bộ, tích cực trong lao động, học tập, cải tạo, còn tiềm ẩn những yếu tố dễ tái phạm. Mặt khác, khi trở về địa phương dễ bị người khác lôi kéo vào các hiện tượng tiêu cực

của đời sống xã hội dẫn tới con đường tái phạm tội, nếu thiếu sự quan tâm từ gia đình, giúp đỡ của các cơ quan, tổ chức xã hội, cá nhân.

2.4. Tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

Tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù là quá trình bình thường hóa các mối quan hệ (với gia đình, xã hội) và tìm được việc làm để trở thành công dân có ích cho xã hội.

2.5. Thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

2.5.1. Khái niệm thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

Thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù là quá trình thay đổi nhận thức, cảm xúc, hành vi của người đã chấp hành xong bản án để phù hợp với môi trường cộng đồng xã hội chung, nhằm khôi phục lại các mối quan hệ xã hội và công việc để tồn tại và phát triển.

2.5.2. Các nội dung cơ bản của thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

2.5.2.1. Thích ứng với tái hòa nhập gia đình của người chấp hành xong án phạt tù.

2.5.2.2. Thích ứng với tái hòa nhập xã hội của người chấp hành xong án phạt tù.

2.5.2.3. Thích ứng với tái hòa nhập công việc của người chấp hành xong án phạt tù

2.5.3. Các thành phần thích ứng tâm lý với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

2.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến thích ứng với tái hòa nhập cộng

đồng của người chấp hành xong án phạt tù

2.6.1. Những yếu tố thuộc về bản thân người chấp hành xong án phạt tù

2.6.2. Những yếu tố gắn môi trường

2.7. Mối quan hệ giữa cảm nhận hạnh phúc và thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Vài nét về địa bàn nghiên cứu và khách thể nghiên cứu

3.1.1. Vài nét về địa bàn nghiên cứu

3.1.2. Về khách thể nghiên cứu

3.2. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu lý luận

3.2.1. Tiến trình nghiên cứu lý luận

3.2.2. Mục đích nghiên cứu lý luận

3.2.3. Cơ sở của việc nghiên cứu

3.2.4. Nội dung nghiên cứu lý luận

3.2.5. Phương pháp nghiên cứu lý luận

3.2.6. Cách thức tiến hành

3.3. Phương pháp chuyên gia

3.3.1. Mục đích nghiên cứu:

3.3.2. Nội dung

3.3.3 Cách thức tiến hành:

3.4. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu thực tiễn

3.4.1. Mục đích nghiên cứu thực tiễn

3.4.2. Nội dung nghiên cứu thực tiễn

3.4.3. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

a. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

b. Phương pháp phỏng vấn sâu

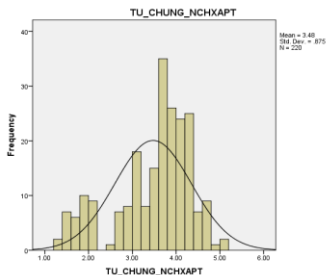
c. Phương pháp phân tích chân dung tâm lý

CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN THÍCH ỨNG VỚI TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG CỦA NGƯỜI CHẤP HÀNH XONG ÁN PHẠT TÙ

4.1. Thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

4.1.1. Thích ứng chung với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù.

Phân bố điểm tổng của cả thang đo TU với tái hòa nhập cộng đồng được hiển thị ở đồ thị 4.1 (theo qui ước cho điểm ở chương 3 thì điểm càng thấp càng thể hiện TU với tái hòa nhập cộng đồng thấp và ngược lại điểm càng cao thể hiện TU với tái hòa nhập cộng đồng cao).



Biểu đồ 4.1. Phân bố điểm của thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

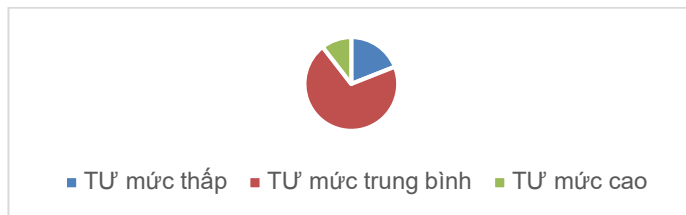
Có thể phân khách thể điều tra thành 3 nhóm như sau:

- Nhóm có TU với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT ở mức độ thấp, nhóm này chiếm 19,0%.

- Nhóm có TU với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT ở mức độ trung bình chiếm 70,5%.

- Nhóm có TU' với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT ở mức độ cao chiếm 10,5%.

Chúng tôi thể hiện thực trạng này qua đồ thị dưới đây:



Biểu đồ 4.2: Mức độ thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

Chúng tôi tiến hành so sánh 3 lĩnh vực của thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng gồm gia đình, xã hội và công việc ở 2 thời điểm “khi mới ra tù” và “hiện nay” để đánh giá quá trình thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT. Kết quả thu được như sau:

Bảng 4.1. So sánh thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT tại 2 thời điểm “khi mới ra tù” và “hiện nay”

Lĩnh vực thích ứng	Khi mới ra tù		Hiện nay	
	ĐTB	SD	ĐTB	SD
TU' gia đình	3,19	0,86	3,59	0,90
TU' xã hội	2,97	0,89	3,34	0,89
TU' công việc	3,19	0,82	3,48	0,93
TU' chung	3,12	0,81	3,48	0,87

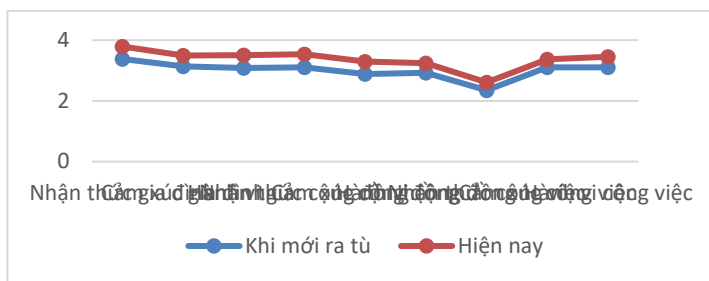
Qua bảng trên, thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT ở 2 thời điểm “khi mới ra tù” và “hiện nay” đã có sự thay đổi ở từng mặt chung của thích ứng.

Bảng 4.2. Thích ứng chung với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

Thích ứng với	Nhận thức	Cảm xúc	Hành vi	Thích ứng
---------------	-----------	---------	---------	-----------

tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT							với từng lĩnh vực	
	Khi mới ra tù	Hiện nay	Khi mới ra tù	Hiện nay	Khi mới ra tù	Hiện nay	Khi mới ra tù	Hiện nay
Thích ứng với tái hòa nhập gia đình	3,38	3,79	3,14	3,50	3,08	3,51	3,20	3,60
Thích ứng với tái hòa nhập xã hội	3,10	3,54	2,88	3,29	2,93	3,24	2,97	3,35
Thích ứng với tái hòa nhập công việc	3,35	3,61	3,11	3,37	3,11	3,45	3,19	3,47
Tổng thể	3,27	3,64	3,04	3,38	3,04	3,40	3,12	3,48

Để minh họa cho kết quả nghiên cứu và phân tích trên, chúng tôi biểu diễn trên đồ thị như sau:



Biểu đồ 4.3. Thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT ở 2 thời điểm “khi mới ra tù” và “hiện nay”

Để tính sự thay đổi trong thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT, chúng tôi tính ĐTB từng lĩnh vực thích ứng (gia đình, xã hội, công việc) ở các mặt thích ứng (nhận thức, cảm xúc, hành vi), so sánh các cặp này ở 2 thời điểm thì nhận thấy “khi mới ra tù” thì thích ứng thấp hơn “hiện nay”. Kết quả thu được như sau:

Bảng 4.3: Bảng so sánh các lĩnh vực thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù tại thời điểm “hiện nay” và “khi mới ra tù”

TT	Mức thích ứng “hiện nay” so với “khi mới ra tù”	Độ chênh lệch giữa “hiện nay” với “khi mới ra tù”	t	p
1	Nhận thức gia đình b – Nhận thức gia đình a	0,41	5,09	0.00
2	Nhận thức xã hội b – Nhận thức xã hội a	0,43	4,45	0.00
3	Nhận thức công việc b – Nhận thức công việc a	0,25	2,73	0.00
4	Cảm xúc gia đình b – Cảm xúc gia đình a	0,35	4,41	0.00
5	Cảm xúc xã hội b – Cảm xúc xã hội a	0,40	4,75	0.00
6	Cảm xúc công việc b – Cảm xúc công việc a	0,26	3,36	0.00
7	Hành vi gia đình b – Hành vi gia đình a	0,42	5,46	0.00
8	Hành vi xã hội b – Hành vi xã hội a	0,30	3,71	0.00
9	Hành vi công việc b – Hành vi công việc a	0,33	3,75	0.00

Ghi chú: a: “khi mới ra tù” b: “hiện nay” $p < 0.05$

Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự tiến bộ ở tất cả các lĩnh vực: gia đình, xã hội, công việc trên cả 3 mặt: nhận thức, cảm xúc, hành vi ở 2 thời điểm “khi mới ra tù” và “hiện nay”.

4.1.2. Thực trạng thích ứng từng lĩnh vực với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

4.1.2.1. Thích ứng với tái hòa nhập gia đình của người chấp hành xong án phạt tù

Chúng tôi tính điểm trung bình mặt thích ứng trong tiêu thang đo để tìm hiểu thực trạng thích ứng với tái hòa nhập gia đình của NCHXAPT. Kết

quả thu được như sau:

Bảng 4.4. Thích ứng với tái hòa nhập gia đình của người chấp hành xong án phạt tù

TT	Các mặt thích ứng với tái hòa nhập gia đình	ĐTB	SD
1	Mặt nhận thức gia đình	3,79	1,06
2	Mặt cảm xúc gia đình	3,50	0,97
3	Mặt hành vi gia đình	3,51	0,97
	Thích ứng với tái hòa nhập gia đình	3,59	0,90

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhìn chung thích ứng với tái hòa nhập gia đình của NCHXAPT đạt mức trung bình (ĐTB = 3,61). Ở mặt thích ứng nhận thức còn tiệm cận mức nhận thức ở mức thích ứng khá tốt (ĐTB = 3,79). Tiếp đến là thích ứng về mặt hành vi (ĐTB = 3,51) và cuối cùng là mặt cảm xúc (ĐTB = 3,50) trong lĩnh vực thích ứng với tái hòa nhập gia đình.

4.1.2.2. Thích ứng với tái hòa nhập xã hội của người chấp hành xong án phạt tù

Để đánh giá thực trạng thích ứng với tái hòa nhập xã hội của NCHXAPT, chúng tôi tiến hành tính điểm trung bình các mặt thích ứng của thang đo, kết quả thu được như sau:

Bảng 4.5: Thích ứng với tái hòa nhập xã hội của người chấp hành xong án phạt tù

TT	Các mặt thích ứng với tái hòa nhập xã hội	ĐTB	SD
1	Mặt nhận thức xã hội	3,54	1,10
2	Mặt cảm xúc xã hội	3,29	0,99
3	Mặt hành vi xã hội	3,24	0,94
	Thích ứng với tái hòa nhập xã hội	3,34	0,89

Kết quả nghiên cứu cho thấy, thích ứng với xã hội của NCHXAPT đạt mức trung bình ĐTB = 3,34 (SD = 0,89). Qua bảng số liệu chúng tôi nhận thấy NCHXAPT nhận thức về vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ của mình với xã hội ở mức cao nhất ĐTB = 3,54; kế tiếp là mặt cảm xúc thể hiện thông qua NCHXAPT tinh thoảng cảm thấy

thoải mái, vui vẻ, tôn trọng mọi người trong xã hội ĐTB = 3,29; cuối cùng là thích ứng về mặt hành vi với xã hội ĐTB = 3,24.

4.1.2.3. Thích ứng với tái hòa nhập công việc của người chấp hành xong án phạt tù

Để đánh giá thực trạng thích ứng với tái hòa nhập công việc của NCHXAPT, chúng tôi tiến hành tính điểm trung bình các mặt thích ứng của thang đo, kết quả thu được như sau:

Bảng 4.6: Thích ứng với tái hòa nhập công việc của người chấp hành xong án phạt tù

TT	Các mặt thích ứng với tái hòa nhập công việc	ĐTB	SD
1	Mặt nhận thức công việc	3,61	1,11
2	Mặt cảm xúc công việc	3,37	1,01
3	Mặt hành vi về công việc	3,45	0,97
	Thích ứng với tái hòa nhập công việc	3,48	0,93

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng mặt thích ứng công việc của NCHXAPT ở mức trên trung bình ĐTB = 3,48, trong đó mặt thích ứng nhận thức đạt ĐTB cao nhất là 3,61, kế tiếp là mặt hành vi công việc ĐTB = 3,45 và cuối cùng là mặt thích ứng cảm xúc công việc ĐTB = 3,37.

4.1.3. Đánh giá của Cảnh sát khu vực, người thân người về thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

Kết quả thu được như sau:

Bảng 4.7: Đánh giá của Cảnh sát khu vực và người thân về thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

Khách thể	Thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHCHXAPT “Khi mới ra tù”		Thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHCHXAPT “Hiện nay”	
	ĐTB	SD	ĐTB	SD

Cảnh sát khu vực	3,44	0,44	3,39	0,75
Người thân của NCHXAPT	3,22	0,66	3,13	0,81
NCHXAPT	3,12	0,81	3,48	0,87

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhìn chung cả 2 nhóm khách thể gồm Cảnh sát khu vực và người thân NCHXAPT đều đánh giá NCHXAPT thích ứng ở mức trung bình với tái hòa nhập cộng đồng.

Nhận xét chung:

Thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT đạt mức trung bình dù đã có sự tiến bộ trong tái hòa nhập cộng đồng nhưng chưa thực sự đáng kể. Nhìn chung trong cả 3 mặt thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT thì thích ứng nhận thức ở mức cao nhất cũng phản ánh đúng thực trạng tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT.

4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

4.2.1. Các yếu tố thuộc về môi trường và cá nhân người chấp hành xong án phạt tù

Kết quả thu được như sau:

Bảng 4.8: Tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng tới thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

	(1)	(2)	(3)	(4)	TU với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT
YT tiêu cực từ các mối quan hệ của NCHXAPT và đời sống cá nhân của NCHXAPT (1)	1	0.5** 0.00	0.53** 0.00	- 0.38** 0.00	-0.45** 0.00
YT thuộc về nơi cư trú nghèo nàn, phức tạp về an ninh trật tự của	0.5** 0.00	1	0.46** 0.00	-0.14* 0.03	-0.19** 0.00

NCHXAPT (2)					
YT ý thức sai lệch về pháp luật của NCHXAPT và gia đình NCHXAPT (3)	0.53** 0.00	0.46** 0.00	1	- 0.26** 0.00	-0.42** 0.00
YT sự hỗ trợ của cộng đồng xã hội đối với NCHXAPT (4)	- 0.38** .000	-0.14* 0.03	- 0.26** 0.00	1	0.26** 0.00
Thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT	- 0.45** 0.00	- 0.19** 0.00	- 0.42** 0.00	0.26** 0.00	1

Ghi chú: $p < 0.01$; $p < 0.05$

- Yếu tố tiêu cực từ môi quan hệ của NCHXAPT và đời sống cá nhân của họ cho thấy một bức tranh âm ảm, tiêu biểu cho NCHXAPT về gia đình, cộng đồng và chính bản thân họ có ảnh hưởng tiêu cực, gây khó khăn, cản trở cho thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT.

- Ý thức sai lệch về pháp luật của NCHXAPT và gia đình NCHXAPT với thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT có hệ số tương quan nghịch, khá chặt ($r = -0,42$, $p = 0.00$).

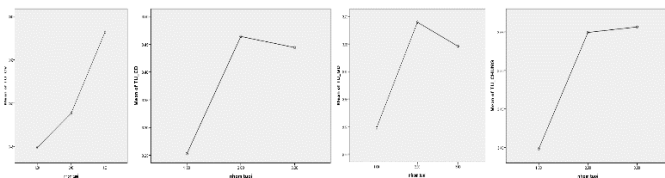
- Sự hỗ trợ của gia đình, cộng đồng có ý nghĩa khích lệ, động viên và là nguồn lực có ý nghĩa đối với NCHXAPT, giúp họ thích ứng hơn với tái hòa nhập cộng đồng dù hệ số tương quan thuận khá thấp.

- Yếu tố thuộc về nơi cư trú của NCHXAPT như nghèo nàn, lạc hậu, phức tạp về mặt an ninh trật tự, có nhiều người đã từng phạm tội như đã trình bày tại chương 2 của luận án này là một trong những yếu tố ảnh hưởng tiêu cực tới tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT.

4.2.2. Phân tích ảnh hưởng một số biến nhân khẩu tới thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong án phạt tù

a. Độ tuổi

Kết quả thu được như sau:



Biểu đồ 4.4: Các nhóm tuổi với thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng ở từng lĩnh vực cụ thể và thích ứng chung của NCHXAPT

Khi bước vào độ tuổi trung niên, qua lứa tuổi bông bột thì NCHXAPT có thể thích ứng tốt hơn với gia đình, cộng đồng và công việc do họ có xu hướng muốn an phận, sống dựa vào gia đình, con cái, người thân. Thêm vào đó là những gánh nặng đè lên vai người trưởng thành cũng khiến NCHXAPT tích cực hơn với mọi lĩnh vực của thích ứng để cố gắng tái hòa nhập cộng đồng. Tuy nhiên cần lưu ý rằng những khác biệt này không có ý nghĩa về mặt thống kê.

b. Trình độ học vấn

Kết quả như sau:

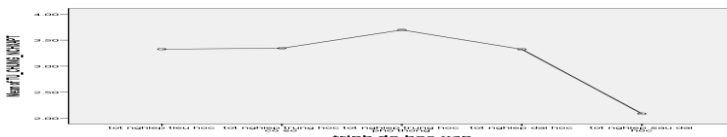
Bảng 4.9: So sánh trình độ học vấn các nhóm khách thể tới thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng

TT	Trình độ học vấn	N	ĐTB	SD
1	Tốt nghiệp tiểu học	25	3,32	1.03
2	Tốt nghiệp trung học cơ sở	89	3,34	0.91
3	Tốt nghiệp trung học phổ thông	91	3,69	0.68
4	Tốt nghiệp đại học	13	3,32	1.14
5	Tốt nghiệp sau đại học	2	2,08	0.02

Ghi chú: $p < 0.01$

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm khách thể tốt nghiệp trung học phổ thông thích ứng cao nhất (ĐTB = 3,69). Nhóm khách thể tốt nghiệp trung học cơ sở, tốt nghiệp tiểu học thích ứng ở mức thứ 2 (ĐTB = 3,34) và thứ 3 (ĐTB 3,32). Phần lớn NCHXPAT có trình độ học vấn

ở 2 nhóm này chiếm 51,9%, việc họ thích ứng ở mức thứ 2, thứ 3 cho thấy, trình độ học vấn thấp có ảnh hưởng đến thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng. NCHXAPT có trình độ học vấn sau đại học có ĐTB thích ứng thấp nhất ĐTB = 2,08.



Biểu đồ 4.5: So sánh trình độ học vấn các nhóm khách thể tới thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT

c. Việc làm và thu nhập

Kết quả thu được như sau:

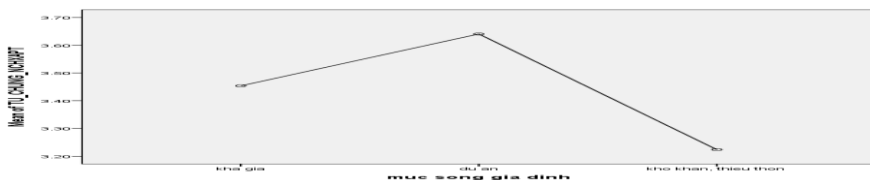
Bảng 4.10. So sánh việc làm và mức thu nhập và thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT

Loại	Nhóm NCHXAPT	N	ĐTB	SD
Việc làm	Có việc	171	3,50	0.79
	Thất nghiệp	49	3,38	1.11
Mức sống gia đình	Khá giả	32	3,45	0.91
	Đủ ăn	115	3,64	0.81
	Khó khăn, thiếu thốn	73	3,22	0.89

Ghi chú: $p < 0.01$

NCHXAPT có việc (ĐTB = 3,50) thì thích ứng tốt hơn với tái hòa nhập cộng đồng khi họ thất nghiệp, không có việc làm (ĐTB = 3,38).

Chúng tôi so sánh mức thu nhập gia đình của các nhóm NCHXAPT kết quả được thể hiện ở bảng trên và được chúng tôi thể hiện ở đồ thị dưới đây:



Biểu đồ 4.6: So sánh mức sống gia đình của các nhóm NCHXAPT với thích ứng của NCHXAPT

d. Thời gian chấp hành án của người chấp hành xong án phạt tù

Kết quả thu được như sau:

Bảng 4.11 : So sánh thời gian chấp hành án với thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của các nhóm người chấp hành xong án phạt tù

TT	Nhóm NCHXAPT	ĐTB	SD	
1	Thích ứng gia đình ($p = 0,11$)	Dưới 3 năm tù	3,64	0,81
		Từ trên 3 năm tù – 7 năm tù	3,69	0,93
		Từ trên 7 năm tù – 15 năm tù	3,19	1,12
		Từ trên 15 năm tù – 20 năm, chung thân.	3,50	0,93
2	Thích ứng xã hội ($p = 0,02$)	Dưới 3 năm tù	3,33	0,85
		Từ trên 3 năm tù – 7 năm tù	3,55	0,83
		Từ trên 7 năm tù – 15 năm tù	2,92	1,02
		Từ trên 15 năm tù – 20 năm, chung thân.	3,23	0,94
3	Thích ứng công việc ($p = 0,05$)	Dưới 3 năm tù	3,48	0,87
		Từ trên 3 năm tù – 7 năm tù	3,65	0,85
		Từ trên 7 năm tù – 15 năm tù	3,04	1,19
		Từ trên 15 năm tù – 20 năm, chung thân.	3,54	1,11
4	Thích ứng chung với tái hòa nhập cộng đồng ($p = 0,04$)	Dưới 3 năm tù	3,48	0,80
		Từ trên 3 năm tù – 7 năm tù	3,63	0,84
		Từ trên 7 năm tù – 15 năm tù	3,05	1,09
		Từ trên 15 năm tù – 20 năm, chung thân.	3,42	0,97

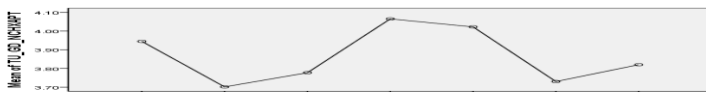
Ghi chú: $p < 0,05$

Kết quả so sánh trên cho thấy, lĩnh vực thích ứng xã hội, và thích ứng chung với tái hòa nhập cộng đồng của nhóm NCHXAPT theo

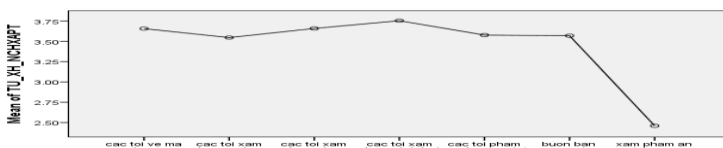
phân loại tội phạm đều có ý nghĩa về mặt thống kê.

e. Các nhóm tội phạm của người chấp hành xong án phạt tù

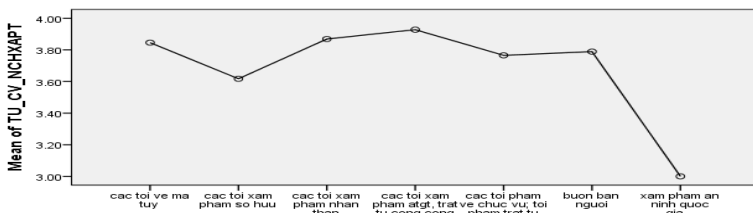
Kết quả thu được như sau:



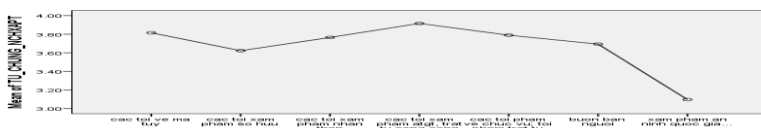
Ghi chú: $p = 0,33$



Ghi chú: $p = 0,01$



Ghi chú: $p = 0,08$



Ghi chú: $p = 0,16$

Biểu đồ 4.7 : So sánh các nhóm tội phạm cụ thể và thích ứng từng lĩnh vực cụ thể, thích ứng chung của NCHXAPT

Qua biểu đồ trên chúng ta thấy, so sánh thích ứng lĩnh vực xã hội với các nhóm tội phạm cụ thể của NCHXAPT là có ý nghĩa về mặt thống kê ($p < 0,05$); các lĩnh vực thích ứng gia đình, thích ứng công việc

và thích ứng chung với tái hòa nhập cộng đồng theo nhóm tội phạm cụ thể của NCHXAPT đã mắc phải không có ý nghĩa về mặt thống kê.

4.2.3. Các cách ứng phó với khó khăn thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT.

Một chỉ số có tương quan thuận có ý nghĩa giữa cách ứng phó tìm mọi biện pháp khắc phục với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT ($r = 0.22, p = 0.01$). Cách ứng phó chia sẻ với thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT là không có ý nghĩa về mặt thống kê.

4.2.4. Các đặc điểm tính cách cá nhân ảnh hưởng đến thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT

Bảng 4.12. Mặt tính cách nổi trội của NCHXAPT

STT	Các mặt tính cách	ĐTB	Độ lệch chuẩn	Khác biệt có ý nghĩa
1	Tính nhiều tâm (1)	4.09	1.47	$1 > 3; p < 0.01$
2	Tính hướng ngoại (2)	4.25	2.16	$2 > 1, 3; p < 0.01$
3	Tính sẵn sàng trải nghiệm (3)	3.78	1.43	
4	Tính dễ mến (4)	4.47	1.36	$4 > 1, 2, 3; p < 0.01$
5	Tính tận tâm (5)	4.51	1.36	$5 > 1, 2, 3, 4; p < 0.01$

Mặt tính cách nổi trội nhất của NCHXAPT là tính tận tâm, tiếp đến là tính dễ mến, tiếp theo là tính hướng ngoại rồi đến tính nhiều tâm và cuối cùng là tính sẵn sàng trải nghiệm.

Chúng tôi tiến hành phân tích hệ số tương quan giữa các đặc điểm tính cách của NCHXAPT với thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của họ, kết quả thu được như sau:

Bảng 4.13. Tương quan giữa các đặc điểm tính cách và thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	TU với tái hòa nhập

						cộng đồng của NCHXAPT
Tính nhiều tâm (1)	1 0.01 .791	0.01 .791	-0.15* 0.19	-0.16* .015	-0.12 .059	-0.04 0.49
Tính hướng ngoại (2)	0.01 0.79	1	0.44** 0.00	0.44** 0.00	0.40** 0.00	0.12 0.58
Tính sẵn sàng trải nghiệm (3)	- 0.15* 0.19	0.44** 0.00	1	0.55** 0.00	0.54** 0.00	0.15* 0.19
Tính dễ mến (4)	- 0.16* 0.15	0.44** 0.00	0.55** 0.00	1	0.73** 0.00	0.33** 0.00
Tính tận tâm (5)	-0.12 0.59	0.40** 0.00	0.54** 0.00	0.73** 0.00	1	0.41** 0.00

Ghi chú: $p < 0.01, p < 0.05$.

Tính tận tâm ($r = 0.41$) và tính dễ mến ($r = 0.33$) có mối quan hệ với thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của NCHXAPT.

4.4. Các trường hợp điển hình

4.4.1. Trường hợp điển hình: Người chấp hành xong án phạt tù thích ứng trung bình với tái hòa nhập cộng đồng

4.4.1.1. Mô tả sơ bộ trường hợp

Mức thích ứng chung với tái hòa nhập cộng đồng: mức 2

Bảng 4.14 : Thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của khách thể

T.V.M

STT	Thích ứng	ĐTB	
		Khi mới ra tù	Hiện nay
1	Thích ứng nhận thức	3,78	4,0
2	Thích ứng cảm xúc	3,30	3,48
3	Thích ứng hành vi	4,0	4,0
4	Thích ứng gia đình	3,52	4,0
5	Thích ứng xã hội	3,30	3,48
6	Thích ứng công việc	4,0	4,0
7	Thích ứng chung với tái hòa	3,60	3,83

	nhập cộng đồng		
--	----------------	--	--

4.4.1.2. Đánh giá trường hợp

4.4.2. Trường hợp điển hình: Người chấp hành xong án phạt tù thích ứng thấp với tái hòa nhập cộng đồng.

4.4.2.1. Mô tả sơ bộ trường hợp

Mức thích ứng chung với tái hòa nhập cộng đồng: mức 1, thấp.

Bảng 4.15 : Thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của khách thể

Đ.V.N

STT	Thích ứng	ĐTB	
		Khi mới ra tù	Hiện nay
1	Thích ứng nhận thức	1,66	1,0
2	Thích ứng cảm xúc	2,0	1,67
3	Thích ứng hành vi	1,0	1,0
4	Thích ứng gia đình	1,6	1,2
5	Thích ứng xã hội	1,3	1,2
6	Thích ứng công việc	1,67	1,22
7	Thích ứng chung với tái hòa nhập cộng đồng	1,52	1,21

4.4.2.1. Mô tả sơ bộ trường hợp

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Về mặt lý luận

1.2. Về thực tiễn

2. Kiến nghị

2.1. Đối với chính quyền cơ sở

2.2. Đối với người chấp hành xong án phạt tù

3. Hạn chế của luận án và hướng nghiên cứu tiếp theo

3.1. Hạn chế của luận án

3.2. Hướng nghiên cứu tiếp theo